

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/DS-ST

Ngày 28- 8 -2020

V/v tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán trong Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Duy Trinh

Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Minh Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLST – DS ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐST-DS ngày 30/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: 130 Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú , Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh T – chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đăng M – chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch thị xã Đ - chi nhánh Q- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á.

Ông Nguyễn Đăng M ủy quyền lại cho bà Trịnh Thị N – Nhân viên PTKD – CN Quảng Ngãi - Phòng giao dịch thị xã Đ, Chi nhánh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; (Theo Giấy ủy

quyền ngày 12 tháng 3 năm 2020. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị Ánh N, sinh năm 1986.

Trú tại: Tổ dân phố Thạnh Đức 2, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Thái V, sinh năm 1981

Trú tại: Tổ dân phố Thạnh Đ, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/02/2020, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trịnh Thị N trình bày:

Ngày 23/5/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Lê Thị Ánh N có lập hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số: 00658423/0136311001T18237, bà N vay số tiền 30.000.000 đồng; thời hạn vay là 18 tháng; lãi suất trong hạn là 10,8%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn; mục đích cho vay sản xuất, kinh doanh; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 23/11/2019, khi vay không có tài sản bảo đảm (vay tín chấp). Phương thức trả nợ: trả vốn và lãi hàng tháng mỗi tháng là 1.940.000 đồng.

Tính đến ngày 28/8/2018 bà N trả cho Ngân hàng số tiền vốn là: 4.370.526 đồng; trả lãi trong hạn 1.449.474 đồng, tổng cộng 5.820.000 đồng. Ngân hàng nhiều lần yêu cầu bà Lê Thị Ánh N trả gốc và lãi nhưng bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thanh toán tiền gốc và lãi đúng định kỳ, không thực hiện đúng theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng nên ngày 24/11/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận.

Khi vay bà N xác định mục đích vay phục vụ sản xuất kinh doanh và chồng bà N tên Phạm Thái V cam kết chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nếu bà N không trả nợ. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ánh N, ông Phạm Thái V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày 27/8/2020 còn nợ số tiền vay gốc là 25.629.474 đồng, tiền lãi trong hạn: 3.410.526 đồng; lãi quá hạn 3.266.011 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 27/8/2020 theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số: 00658423/0136311001T18237 ngày 23/5/2018.

Bị đơn bà Lê Thị Ánh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thái V không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà Ng, ông V không cung cấp, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành theo quy định của

pháp luật luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Ánh N và ông Phạm Thái V phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tính đến ngày 27/8/2020 số tiền vay gốc là 25.629.474 đồng, lãi trong hạn: 3.410.526 đồng; lãi quá hạn 3.266.011 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 27/8/2020 theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 06/02/2020, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ khởi kiện bà Lê Thị Ánh N, trú tại tổ dân phố Thạnh Đ, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số: 00658423/ 0136311001T18237 ngày 23/5/2018, bên vay bà Lê Thị Ánh N có địa chỉ thường trú tại thôn Thạnh Đ, xã Phổ T (nay là Tổ dân phố T, phường Ph) thị xã Đ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bị đơn, do bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ ghi trên nhưng bị đơn cũng không cung cấp địa chỉ mới cho nguyên đơn thì được xem là cố tình che giấu địa chỉ. Căn cứ tiết a mục 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Bị đơn bà Lê Thị Ánh N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thái V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số: 00658423/0136311001T18237, ngày 23/5/2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Ngân hàng) và bà Lê Thị Ánh N. Ngân hàng đã giải ngân cho bà N vay số tiền 30.000.000 đồng, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn 10,8%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn; mục đích cho vay sản xuất, kinh doanh, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 23/11/2019, khi vay không có tài sản bảo đảm (tín chấp). Phương thức trả nợ: trả vốn và lãi hàng tháng mỗi tháng là 1.940.000 đồng. Trong quá trình vay bà N đã trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 4.370.526 đồng; lãi trong hạn 1.449.474 đồng, tổng cộng 5.820.000 đồng. Do bà N vi phạm hợp đồng, không trả tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng theo đúng thỏa

thuận, nên Hội đồng xét xử có căn cứ buộc bà Lê Thị Ánh N trả nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Xét mục đích vay tiền của bà Lê Thị Ánh N là phục vụ cho việc sản xuất, kinh doanh, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Theo giấy cam kết lập ngày 03/5/2018 ông Phạm Thái V (chồng bà N) cam kết nếu bà N không trả nợ thì ông có nghĩa vụ trả nợ thay cho bên vay đến khi hết nợ. Do đó, căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử buộc ông Phạm Thái V và bà Lê Thị Ánh N cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tính đến ngày 27/8/2020 số tiền vay gốc là 25.629.474 đồng, lãi trong hạn: 3.410.526 đồng; lãi quá hạn 3.266.011 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 27/8/2020 theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3] Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Buộc bà Lê Thị Ánh N, ông Phạm Thái V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 429, 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Buộc bà Lê Thị Ánh N và ông Phạm Thái V có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 27/8/2020 số tiền gốc là 25.629.474 đồng, tiền lãi trong hạn: 3.410.526 đồng; lãi quá hạn 3.266.011 đồng ; tổng cộng là 32.306.011 đồng (*ba mươi hai triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, không trăm mười một đồng*) và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 27/8/2020 theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số: 00658423/0136311001T18237 ngày 23/5/2018.

Về án phí: Bà Lê Thị Ánh N và ông Phạm Thái V phải chịu 1.615.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí là 749.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2018/0002830, ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu